

Số: 11.1/KH-THPT.NHH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

KẾ HOẠCH

Kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (viết tắt là Nghị định số 130/2020/NĐ-CP);

Căn cứ Công văn số 3775/UBND-NCPC ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 7002/KH-SGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023;

Lãnh đạo Trường THPT Nguyễn Hữu Huân triển khai Kế hoạch kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023 đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập trong đơn vị cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập để viên chức đơn vị, các tổ chức, đơn vị có thẩm quyền biết được tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm minh bạch tài sản, thu nhập của công chức, viên chức và người lao động.

Phát huy tính tự giác, trung thực, ý thức trách nhiệm của người có nghĩa vụ kê khai trong việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; phục vụ cho công tác quản lý công chức, viên chức, góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng.

2. Yêu cầu

Việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phải có trách nhiệm ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác các loại tài sản, theo quy định tại mẫu bản kê khai, không để xảy ra vi phạm phải xem xét xử lý.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN



1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập và Mẫu kê khai tài sản, thu nhập

Việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 gồm có: kê khai hằng năm, kê khai bổ sung và kê khai lần đầu (nếu có).

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP gồm:

a. Hiệu trưởng: thực hiện Kê khai tài sản, thu nhập hằng năm (**Mẫu 1**);

b) Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng, Tổ phó

+ Nếu thuộc Phụ lục III của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP (ví dụ: có tên tham gia Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp là thuộc mục 87, Phụ lục III: tuyển sinh vào các trường công lập): thì thực hiện Kê khai tài sản, thu nhập hằng năm (**Mẫu 1**);

+ Nếu không thuộc Phụ lục III của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP thì xét các trường hợp còn lại sau đây:

* Nếu so với lần kê khai năm 2022 có biến động tăng hoặc giảm từ 300 triệu trở lên thì thực hiện Kê khai bổ sung (**Mẫu 2**);

* Nếu chưa thực hiện kê khai lần nào thì thực hiện kê khai lần đầu (*thường gặp ở các trường hợp mới được bổ nhiệm chức vụ; lưu ý: không tính Bản Kê khai tài sản, thu nhập nộp về Phòng Tổ chức cán bộ khi thực hiện hồ sơ bổ nhiệm*) (**Mẫu 1**).

c) Kế toán, Thủ quỹ: chỉ áp dụng thực hiện Kê khai tài sản, thu nhập với các đối tượng do Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định tuyển dụng, cụ thể:

+ Nếu chưa thực hiện kê khai lần nào thì thực hiện kê khai lần đầu (**Mẫu 1**);

+ Nếu đã kê khai lần đầu thì thực hiện Kê khai hằng năm (**Mẫu 1**)

2. Hình thức công khai

Đơn vị chọn hình thức niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị

Người có nghĩa vụ kê khai công khai bản kê khai tại cơ quan, đơn vị nơi thường xuyên làm việc. (*theo danh sách đính kèm*)

Vị trí niêm yết phải đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai. (*bản tin phòng giáo viên*)

Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn. (*Lãnh đạo, Thầy Hà Văn Ảnh – Chủ tịch CĐCS, Cô Nguyễn Thị Thu Phương – Trưởng ban TTND*)

Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày (bắt đầu tính từ ngày **thứ sáu 08/12/2023**)

Thực hiện **Mẫu 3** – Biên bản niêm yết và **Mẫu 4** - Biên bản kết thúc niêm yết. (vào ngày **thứ bảy 23/12/2023**)

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Viên chức thuộc đối tượng phải thực hiện kê khai tài sản hoàn tất bảng kê khai tài sản thu nhập theo đúng mẫu và nội dung yêu cầu và nộp lại. Hạn cuối vào **thứ ba ngày 05/12/2023**.

+ Nộp File và ký xác nhận tại phòng Phó Hiệu trưởng (Cô Nguyễn Thị Duyên – vào **thứ tư 06/12/2023**).

+ Số lượng bản kê khai phải ký nộp 03 bản (02 nộp về Phòng TCCB Sở, 01 lưu tại đơn vị)

Thời gian thẩm định (kiểm tra việc thực hiện các nội dung) bản kê khai và công khai tài sản, thu nhập năm 2023: theo lịch: **chiều thứ tư lúc 14:30, ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại phòng TCCB Sở GDĐT**. (phân công Cô Duyên thực hiện)

Lưu ý: Đối với các cá nhân thực hiện kê khai tài sản thu nhập hàng năm tại đơn vị thực hiện chưa đúng (do thiếu sự chu đáo, cẩn thận, lấy mẫu cũ trên máy tính cá nhân không rà soát mẫu theo quy định, tự ý bỏ cắt các nội dung không cho phép của hướng dẫn cấp trên...), gây trở ngại cho nhà trường phải mang toàn bộ hồ sơ đi nộp lại nhiều lần. **Đề nghị cá nhân đó tự đánh giá xếp loại Quý 4/2023 giảm một mức** (việc kê khai này mang tính hàng năm do đó người thực thực hiện kê khai phải có trách nhiệm lưu ý trong khi thực hiện)

Trên đây là kế hoạch tổ chức việc kê khai, công khai tài sản và thu nhập cá nhân năm 2023 của Trường THPT Nguyễn Hữu Huân. Lãnh đạo nhà trường đề nghị quý thầy, cô theo dõi và thực hiện đúng tiến độ ./.

Nơi nhận:

- PTCCB Sở GD&ĐTTPHCM;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Dương Cung



Danh sách viên chức kê khai và công khai tài sản, thu nhập năm 2023

Của trường THPT Nguyễn Hữu Huân

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 15/KH-THPT.NHH ngày 30/11/2023)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu kê khai	Ghi chú
1	Đỗ Dương Cung	Hiệu trưởng	Mẫu 1: Kê khai hàng năm	
2	Nguyễn Thị Duyên	Phó hiệu trưởng	Mẫu (theo hướng dẫn)	
3	Phùng Nhật Anh	Phó hiệu trưởng	Mẫu (theo hướng dẫn)	
4	Trịnh Phạm Thu Thuý	Kế toán	Mẫu (theo hướng dẫn)	
5	Nguyễn Thanh Nhã Thy	Thủ quỹ	Mẫu (theo hướng dẫn)	
6	Cao Thị Ngọc Thu	TTCM Toán	Mẫu 1: Kê khai lần đầu	Bổ nhiệm 8/2023
7	Lê Tấn Hậu	TTCM Lý	Mẫu (theo hướng dẫn)	
8	Nguyễn Trần Quỳnh Phương	TTCM Hoá	Mẫu (theo hướng dẫn)	
9	Nguyễn Thị Thu Sương	TTCM Sinh	Mẫu (theo hướng dẫn)	
10	Nguyễn Thị Bích Hảo	TTCM Tin	Mẫu (theo hướng dẫn)	
11	Đặng Thị Huy Lam	TTCM Ngữ văn	Mẫu (theo hướng dẫn)	
12	Trần Văn Hường	TTCM Sử	Mẫu (theo hướng dẫn)	
13	Nguyễn Thị Hường	TTCM Địa	Mẫu (theo hướng dẫn)	
14	Ngô Thị Mộng Thu	TTCM GDCD	Mẫu (theo hướng dẫn)	
15	Trần Thị Hà	TTCM CN	Mẫu 1: Kê khai lần đầu	Bổ nhiệm 8/2023
16	Nguyễn Ngọc Đức	TTCM GDTC	Mẫu (theo hướng dẫn)	
17	Lê Thị Phương Thoa	TTCM Tiếng Anh	Mẫu (theo hướng dẫn)	
18	Trần Thế Quang	TPCM Toán	Mẫu 1: Kê khai lần đầu	Bổ nhiệm 8/2023
19	Nguyễn Thị Tường Vi	TPCM Ngữ văn	Mẫu 1: Kê khai hàng năm	

MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

1. Người kê khai ký phải từng trang ở góc cuối bên phải của trang, không ký nháy, ký tắt mà ký chữ ký giống như trang cuối.
2. Bản kê khai phải đánh máy, không viết tay, in một mặt với số lượng 02 bản gốc/ người, không nhận bản photo.
3. Không ký vào phần “*Người nhận bản kê khai*” (đây là phần do Lãnh đạo phòng Tổ chức cán bộ ký)
4. Tên tiêu đề: Nếu là Kê khai hằng năm thì tiêu đề ghi rõ: “BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HẰNG NĂM-NĂM 2023”, Kê khai lần đầu thì tiêu đề ghi: “BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU”; Kê khai bổ sung thì ghi: “BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG NĂM 2023”.
5. Giữ nguyên nội dung mẫu bản Kê khai, không xóa dòng, trường hợp không có nội dung thì ghi “**Không**” tại đầu mỗi mục, trường hợp có nội dung thì điền **đầy đủ** các thông tin theo yêu cầu quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.
6. Kê khai đất:
 - + Địa chỉ: ghi đầy đủ, cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
 - + Giá trị: là giá trị gốc tính bằng tiền Việt Nam; nếu không xác định được giá trị thì ghi “Không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do không xác định được.
 - + Giấy chứng nhận đầy đủ 04 nội dung: số, ngày cấp, cơ quan cấp, tên người được cấp.
 - + Thông tin khác: ghi cụ thể theo hướng dẫn về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng nhà như đang sử dụng để ở hay cho thuê, cho mượn hoặc bỏ trống.
 - + Đối với các loại đất mà trong đó có đất ở thì phải kê khai tại mục Đất ở, ghi rõ diện tích đất và mở ngoặc ghi trong đó phần diện tích đất ở trên tổng diện tích đất.
7. Kê khai nhà:
 - + Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ hoặc căn hộ (chỉ có 02 loại nhà này, ngoài ra thì kê khai ở mục Công trình xây dựng khác như: Nhà xưởng, nhà máy,...), ghi rõ diện tích sàn xây dựng, giá trị; nếu không xác định được giá trị thì phải ghi lý do.
 - + Thông tin khác: ghi cụ thể theo hướng dẫn về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng nhà như đang sử dụng để ở hay cho thuê, cho mượn hoặc bỏ trống.
 - + Đối với nhà ở riêng lẻ **phải khai phần đất ở** gắn với nhà tại mục Đất ở, ghi rõ diện tích đất; thông tin khác ghi rõ “nhà gắn liền với đất ở thửa thứ mấy theo thứ tự kê khai tại mục Đất ở”.
8. Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng **không phải nhà ở**.
9. Tài sản gắn liền với đất:
 - + Cây lâu năm: cây thuộc rừng sản xuất **không** ghi vào mục này.
 - + Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: hòn nam bộ, tượng đá, các công trình tạc tượng và tương tự,...

10. Mục số 4 về vàng, kim cương, bạch kim,...: khi kê khai phải ghi luôn giá trị ước tính quy đổi thành Việt Nam đồng, (đề so sánh là trên 50 triệu đồng).

11. Tại mục 6.3 về vốn góp: ghi cụ thể hình thức góp vốn: vào Công ty (ghi cụ thể tên Công ty); góp vốn kinh doanh (ghi cụ thể hình thức kinh doanh),...ghi cả trực tiếp và gián tiếp.

12. Đối với các tài sản kê khai tại mục 3, 6 và 7: ghi đầy đủ thông tin phải kê khai về tên gọi, số lượng và giá trị (nếu không xác định được giá trị thì ghi “Không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do).

13. Mục tiền: Ghi rõ loại tiền, nếu là tiền gửi ngân hàng thì ghi tên ngân hàng gửi.

14. Đối với kê khai hằng năm, ngoài các nội dung đã được hướng dẫn, đơn vị lưu ý:

a) Mục số 10.II Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: (ghi tổng số tiền của 4 gạch đầu dòng dưới đây)

- Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: (ghi rõ số tiền)

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): (ghi rõ số tiền)

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: (ghi rõ số tiền, nếu không có thì ghi 0 VNĐ)

- Tổng các khoản thu nhập chung: (trường hợp có những khoản thu nhập chung không thể tách riêng thì ghi, nếu không có khoản thu nhập chung thì ghi 0 VNĐ).

b) PHẦN III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM:

- Các mục từ 1 đến 8 của III, nếu không có biến động tài sản, thu nhập thì không cần ghi. Và phải ghi ngay sau mục III.BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM: “Không có biến động”

- Riêng mục số 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: bắt buộc ghi dù không có biến động:

+ Cột “giá trị tài sản, thu nhập”: ghi số tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai. Số ghi tại mục số 9 này sẽ phải giống với số tại Mục số 10.II Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (tổng số tiền của 4 gạch đầu dòng)

- Nếu có biến động tài sản thu nhập thì lưu ý thêm:

+ Nếu tài sản tăng thì ghi dấu + và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

+ Nếu tài sản giảm thì ghi dấu - vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m² tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1/Đất ở - Bán thửa đất B	- 100m ²	500 triệu	Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m ²	3.500 triệu	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D	+ 01 Sổ tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký - Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55	+ 01	1.000 triệu	Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.		+ 5.600 triệu	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu;

			- Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu; - Tiền bán thửa đất B được 4.000 triệu
--	--	--	---

Như vậy, lúc này ông A đang có những tài sản sau: sổ tiết kiệm 500 triệu tại ngân hàng D, xe ô-tô Toyota đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55, 01 căn hộ 100 m² tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng: ở mục II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN phải thể hiện rõ các thông tin chi tiết này theo hướng dẫn tại Phụ lục I Nghị định số 130; Ông A không còn tài sản là thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B (do đã bán) vì vậy sẽ không khai thông tin về thửa đất này nữa.

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP (LẦN ĐẦU/ HÀNG NĂM – NĂM 2023)⁽¹⁾
(Ngày ... tháng .. năm 2023)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾:
.....ngày cấp..... nơi cấp

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:
- 1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.
- 1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:
 - 1.2.1. Thừa thứ nhất:
 - Loại đất:..... Địa chỉ:
 - Diện tích:
 - Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
 - 2.1. Nhà ở:
 - 2.1.1. Nhà thứ nhất:
 - Địa chỉ:
 - Loại nhà⁽¹⁴⁾:
 - Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾:
 - Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:
 - 2.2.1. Công trình thứ nhất:
 - Tên công trình:..... Địa chỉ:
 - Loại công trình:..... Cấp công trình:
 - Diện tích:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:
 - 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp			

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
--	--	--	--

TP HCM, ngày.....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

TL. GIÁM ĐỐC

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

TP HCM, ngày.... tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG.....

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG NĂM 2023
(Ngày.....tháng.....năm.....) ⁽¹⁾

I. THÔNG TIN CHUNG ⁽²⁾

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
 - Chức vụ/chức danh công tác:
 - Cơ quan/đơn vị công tác:
 - Nơi thường trú:
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾:
.....ngày cấp..... nơi cấp
2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập
- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
 - Nghề nghiệp:
 - Nơi làm việc⁽⁴⁾:
 - Nơi thường trú:
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....
ngày cấp nơi cấp
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)
- 3.1. Con thứ nhất:
- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
 - Nơi thường trú:
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp nơi cấp
- 3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁾ /giảm ⁽⁴⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng khác:			

2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất: 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bộ bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài sản khác...). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai ⁽⁵⁾.			
--	--	--	--

III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽⁶⁾

.....

TP HCM, ngày
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

..... ngày....tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG

- (1) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.
- (2) Ghi như phần thông tin chung trong Mẫu bản kê khai tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.
- (3) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.
- (4) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.
- (5) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai (xem ví dụ tại điểm 32 phần hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này).
- (6) Ghi như mục II “Thông tin mô tả về tài sản” theo mẫu bản kê khai và hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này. Lưu ý chỉ kê khai về những tài sản mới tăng thêm, không kê khai lại những tài sản đã kê khai trước đó.

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023

Thời gian: ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm 2023

Địa điểm:

Thực hiện Công khai các bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 của người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập bằng hình thức: Niêm yết.

Thành phần lập biên bản:

1. Ông/bà, Chức vụ:....., Thủ trưởng đơn vị.
2. Ông/bà, Chức vụ:, Đại diện Công đoàn cơ sở.

Nội dung:

Thực hiện việc niêm yết bản Kê khai tài sản, thu nhập năm 2022 cụ thể như sau:

- I. Vị trí niêm yết:
- II. Số lượng bản niêm yết:
- III. Niêm yết các bản kê khai tài sản, thu nhập của các ông bà có tên sau:

1. Ông/ bà:, Chức vụ, Kê khai hàng năm/ bổ sung/ lần đầu (ghi 01 trong 03 đối tượng).

2. Ông/ bà:, Chức vụ, Kê khai hàng năm/ bổ sung/ lần đầu (ghi 01 trong 03 đối tượng).

3. Ông/ bà:, Chức vụ, Kê khai hàng năm/ bổ sung/ lần đầu (ghi 01 trong 03 đối tượng).

.....

Thời gian niêm yết bản kê khai tài sản, thu nhập là 15 ngày, kể từ giờ phút ngày ... tháng ... năm 2023.

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....

...

BIÊN BẢN

Về việc kết thúc niêm yết công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023

Thời gian: Vào lúc giờ .. phút, ngày ... tháng năm 2023

Địa điểm:

Tiến hành lập biên bản kết thúc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập.

Thành phần lập biên bản:

1. Ông/bà, Chức vụ:....., Thủ trưởng đơn vị.
2. Ông/bà, Chức vụ:, Đại diện Công đoàn cơ sở.

Nội dung:

Thực hiện kết thúc việc niêm yết công khai bản Kê khai tài sản, thu nhập năm 2022, cụ thể như sau:

- I. Vị trí niêm yết:
- II. Số lượng bản niêm yết:
- III. Kết thúc niêm yết các bản kê khai tài sản, thu nhập của các ông bà có tên sau:
 1. Ông/ bà:, Chức vụ, Kê khai hàng năm/ bổ sung/ lần đầu (ghi 01 trong 03 đối tượng).
 2. Ông/ bà:, Chức vụ, Kê khai hàng năm/ bổ sung/ lần đầu (ghi 01 trong 03 đối tượng).
 3. Ông/ bà:, Chức vụ, Kê khai hàng năm/ bổ sung/ lần đầu (ghi 01 trong 03 đối tượng).

.....
Thời gian niêm yết bản kê khai tài sản, thu nhập là 15 ngày, kể từ ... giờ ...phút ngày ...tháng năm 2023 đến hết ngày tháng năm 2023.

Trong thời gian niêm yết công khai bản Kê khai tài sản, thu nhập năm 2023: không có ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai.

(nếu có thì ghi rõ)

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN
(ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng .. năm 2023

**DANH SÁCH THAM DỰ HỌP CÔNG KHAI
KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2023**

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	KÝ TÊN
1			
2			
3			
4			
5			

Danh sách trên gồm :người.

Có mặt:..... người, chiếm tỉ lệ:.....%;

Vắng:..... người, chiếm tỉ lệ:.....%.

LÃNH ĐẠO PHÒNG/...
(Ký, ghi rõ họ tên)

